

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẨM GIÀNG
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2023/HS-ST

Ngày: 09 - 01 - 2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM GIÀNG, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: bà Đoàn Thị Thúy.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Thuỷ - giáo viên, Phó phòng giáo dục huyện Cẩm Giàng;

Ông Nguyễn Quang Miên – Giáo viên nghỉ hưu.

- Thư ký phiên toà: ông Phạm Hoàng Thanh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà: bà Đỗ Thị Xoa - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 81/2022/TLST-HS ngày 30- 11 -2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 87/2022/QĐXXST-HS ngày 16 -12 -2022; Quyết định hoãn phiên toà số 33/2022/HSST – QĐ ngày 29-12-2022, đối với các bị cáo:

1. **Lê Văn T** (tên gọi khác Hoàng Văn T, Nguyễn Văn T), sinh năm 1997 tại xã A, huyện C, tỉnh H; nơi ở: thôn P, xã A, huyện C, tỉnh H; nghề nghiệp lao động tự do; trình độ văn hóa 9/12; dân tộc Kinh; giới tính nam; tôn giáo không; quốc tịch Việt Nam; không xác định được bố đẻ; con bà Lê Thị O; chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân: Bản án số 06/2014/HSST ngày 13-3-2014, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xử phạt 09 năm tù về tội Giết người; đã chấp hành xong hình phạt tù từ ngày 28-8-2020 và các quyết định khác của bản án (bị cáo phạm tội khi chưa đủ 18 tuổi).

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 01-8-2022 đến nay tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hải Dương;

2. **Tăng Văn C**, sinh năm 2003 tại xã P, huyện C, tỉnh H; nơi ở: thôn V, xã P, huyện C, tỉnh H; nghề nghiệp lao động tự do; trình độ văn hóa 12/12; dân tộc Kinh; giới tính nam; tôn giáo không; quốc tịch Việt Nam; con ông Tăng Văn S và con bà Nguyễn Thị H; chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân: Ngày 30-9-2020, Công an huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương ra Quyết định số 148 xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Cố ý gây thương tích, hình thức phạt tiền; đã chấp hành xong.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 01-8-2022 đến nay tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hải Dương;

3. **Lê Sơn H**, sinh năm 1996 tại xã C, huyện T, thành phố H; nơi ở: thôn 4, xã C, huyện T, thành phố H; nghề nghiệp lao động tự do; trình độ văn hóa 12/12; dân tộc Kinh; giới tính nam; tôn giáo không; quốc tịch Việt Nam; con ông Lê Văn K và con bà Đỗ Thị S; chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân: Ngày 01-6-2022, Công an huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương ra Quyết định số 90 xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Cố ý gây thương tích, hình thức phạt tiền; đã chấp hành xong.

Bị cáo được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

4. **Phí Văn S**, sinh năm 1996 tại xã C, huyện T, thành phố H; nơi ở: thôn 3, xã C, huyện T, thành phố H; nghề nghiệp lao động tự do; trình độ văn hóa 11/12; dân tộc Kinh; giới tính nam; tôn giáo không; quốc tịch Việt Nam; con ông Phí Văn D và con bà Nguyễn Thị T chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân: Bản án số 56/2013/HSST ngày 28-11-2013, Tòa án nhân dân huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội xử phạt 06 tháng cải tạo không giam giữ, về tội Cố ý làm hư hỏng tài sản; đã chấp hành xong các quyết định của bản án (bị cáo phạm tội khi chưa đủ 18 tuổi).

Bị cáo được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

5. **Vũ Văn K**, sinh năm 1987 tại xã Đ, huyện C, tỉnh H; nơi ở: thôn T, xã Đ, huyện C, tỉnh H; nghề nghiệp lao động tự do; trình độ văn hóa 12/12; dân tộc Kinh; giới tính nam; tôn giáo không; quốc tịch Việt Nam; con ông Vũ Văn C và con bà Lê Thị C; có vợ là Phạm Thị L, sinh năm 1987; có hai con (con lớn sinh năm 2014, con nhỏ sinh năm 2018); tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

6. **Nguyễn Đức B**, sinh năm 1992 tại xã L, thị xã K, tỉnh H; nơi ở: thôn Đ xã L, thị xã K, tỉnh H; nghề nghiệp lao động tự do; trình độ văn hóa 9/12; dân tộc Kinh; giới tính nam; tôn giáo không; quốc tịch Việt Nam; con ông Nguyễn Đức H và con bà Phạm Thị N; có vợ là Hà Thị H, sinh năm 1995 và 02 con (con lớn sinh năm 2016, con nhỏ sinh năm 2021); tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

7. **Vũ Văn Đ**, sinh năm 1995 tại xã T, huyện C, tỉnh H; nơi ở: thôn P, xã T, huyện C, tỉnh H; nghề nghiệp lao động tự do; trình độ văn hóa 9/12; dân tộc Kinh; giới tính nam; tôn giáo không; quốc tịch Việt Nam; con ông Vũ Văn H và con bà Vũ Thị T; có vợ là Cao Thị L, sinh năm 1996; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

8. **Vũ Văn P**, sinh năm 1993 tại xã T, huyện C, tỉnh H; nơi ở: thôn P, xã T, huyện C, tỉnh H; nghề nghiệp lao động tự do; trình độ văn hóa 9/12; dân tộc Kinh; giới tính nam; tôn giáo không; quốc tịch Việt Nam; con ông Vũ Văn H và con bà Vũ Thị T; có vợ là Trần Ngọc A, sinh năm 1995; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

9. **Nguyễn Việt N**, sinh năm 1993 tại xã T, huyện C, tỉnh H; nơi ở: thôn P, xã T, huyện C, tỉnh H; nghề nghiệp lao động tự do; trình độ văn hóa 12/12; dân tộc Kinh; giới tính nam; tôn giáo không; quốc tịch Việt Nam; con ông Nguyễn Văn C và con bà Vũ Thị H; có vợ là Vương Thị Hồng P, sinh năm 1996 và 01 con sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

10. **Đào Hữu L**, sinh ngày 29-12-2005 tại xã Đ, huyện C, tỉnh H; nơi ở: thôn V, xã Đ, huyện C, tỉnh H; nghề nghiệp lao động tự do; trình độ văn hóa 9/12; dân tộc Kinh; giới tính nam; tôn giáo không; quốc tịch Việt Nam; con ông Đào Hữu T và con bà Đỗ Thị T; chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

Người bào chữa cho bị cáo Đào Hữu L: bà Nguyễn Thị Liên – Trợ giúp viên, Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Hải Dương.

Người đại diện hợp pháp cho bị cáo Hữu L: bà Đỗ Thị T, sinh năm 1975; địa chỉ: thôn V, xã Đ, huyện C, tỉnh H.

Người làm chứng: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1978; chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1988; anh Phạm Văn T, sinh năm 2001; anh Lê Văn T, sinh năm 2000; anh Vũ Thành L, sinh năm 1993; anh Phạm Văn C, sinh năm 1993; anh Phạm Minh T, sinh năm 1999; anh Phạm Văn S, sinh năm 1997; anh Bùi Văn D, sinh năm 1997; anh Lê Cao T, sinh năm 1999; anh Vũ Ngọc T, sinh năm 2001; anh Phan Minh T, sinh năm 2001; anh Nguyễn Đức C, sinh năm 1996; anh Trần Ngọc A, sinh năm 1994; anh Hoàng Bá H, sinh năm 1993; chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1989; chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1998; anh Trần Văn H, sinh năm 1992; anh Hoàng Hữu T, sinh năm 1992; anh Lê Văn N, sinh năm 1994; anh Đoàn Văn T, sinh năm 1985; anh Lê Văn S, sinh năm 1979; ông Đào Hữu T, sinh năm 1973; anh Vũ Mạnh T, 1991.

(Tại phiên tòa có mặt các bị cáo; người bào chữa, người đại diện hợp pháp cho bị cáo Hữu L và người làm chứng anh H (vắng mặt những người làm chứng còn lại).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Ngày 21-4-2022, Tăng Văn C và chị Nguyễn Thị Đ xảy ra cãi nhau. Sáng ngày 22-4-2022, Lê Văn T (bạn trai chị Đ) gọi điện cho C hẹn tối gặp nhau ở hồ Quý Dương, xã Tân Trường để nói chuyện. Khoảng 19 giờ 30 phút cùng ngày, T ra khu vực chợ thôn Phú An, xã Cao An, huyện Cẩm Giàng gặp và rủ các anh Lê Cao T, Phạm Văn T, Lê Văn T, Vũ Thành L, Phạm Văn C, Phạm Minh T, Phạm Văn S, Bùi Văn D, Vũ Ngọc T, Phan Minh T đến hồ Quý Dương, xã Tân Trường, huyện Cẩm Giàng uống nước (không nói việc giải quyết mâu thuẫn với C), tất cả đồng ý. Trước khi đi, T chuẩn bị 01 gậy rút sắt để trong túi quần rồi điều khiển xe mô tô Honda Wave, màu đen, BKS 34B4-956.99 (xe mượn của anh Lê Văn S) chở anh Lê Văn T, những người còn lại chở nhau bằng xe mô tô cùng đi xuống hồ Quý Dương. Trên đường đi, T gọi qua ứng dụng facebook cho anh Trần Ngọc A (tên gọi khác là Cò) bảo “*tối ra hồ Quý Dương nói chuyện với thằng này cùng em*”, Ngọc A đồng ý. Nhóm của T đến bờ hồ Quý Dương, xã Tân Trường, huyện Cẩm Giàng thì vào quán của chị Nguyễn Thị L uống nước. Tại đây, T gọi điện cho Ngọc A bảo đã đến nơi rồi. Lúc này, Ngọc A đang ngồi uống bia cùng Vũ Văn P, Vũ Văn Đ, Nguyễn Việt C và anh Hoàng Bá H tại quán ZuiZui khu đô thị Ghẽ, xã Tân Trường nên Ngọc A cùng P, H và Vũ Đ đi xe mô tô xuống hồ Quý Dương gặp nhóm của T đang ngồi uống nước; Ngọc A hỏi T “*đến đây có việc gì, làm gì có ai*”, T bảo “*chờ C đến để giải quyết mâu thuẫn, anh có mặt để nói chuyện giúp em*”. Đợi khoảng 05 phút chưa thấy C đến thì P và Vũ Đ rủ anh Nguyễn Đức C đang ngồi uống nước cạnh đó về quán ZuiZui uống bia, còn Ngọc A và H ở lại đợi C đến.

Sau khi hẹn T ra hồ Quý Dương nói chuyện, C gọi qua ứng dụng facebook cho Lê Sơn H bảo tối ra hồ Quý Dương giải quyết mâu thuẫn với T và gọi cho Đào Hữu L bảo chở C xuống Quý Dương có việc thì H và L đồng ý. Tối cùng ngày, Hữu L điều khiển xe mô tô Honda, Wave Alpha màu đen, BKS 34L3- 9127 (xe mượn của ông Đào Hữu T) đi đón C rồi cả hai đến phòng trọ của Vũ Văn K ở gần hồ Quý Dương để đón Sơn H. Lúc này, Sơn H đang ngồi ăn uống cùng với Vũ Văn K, Nguyễn Đức B, Phí Văn S. Thấy C đi vào gọi thì Sơn H lấy xe mô tô Honda Wave Alpha, BKS 34B3-010.27 (xe mượn của anh Vũ Mạnh T) chở C về phòng trọ của Sơn H lấy con dao bằng kim loại dài 40cm để ở

vị trí giá để chân phải của xe rồi cả hai ra hồ Quý Dương. Trước khi đi, Sơn H bảo Hữu L ở nhà nhưng L vẫn một mình đi xe mô tô theo sau.

Khoảng 20 giờ cùng ngày, C và Sơn H ra đến bờ hồ Quý Dương thấy nhóm của T đang ngồi ở quán nước; Sơn H đi đến bảo “*ai là T, có vấn đề gì mà tìm đến nhà C chứ bớ*”, T nói “*em có chuyện cần nói với C*”. Sau đó, C và T ra bàn ngồi nói chuyện; Sơn H bảo mọi người “*để cho hai thằng nói chuyện với nhau, nếu không thì để hai thằng sô lô với nhau (tức là đánh nhau bằng chân tay) chứ đừng có kiêu chớ cần theo đàn*”. Ngọc A và H nghe thấy vậy thì bảo Sơn H *ăn nói cho cẩn thận*.

Vũ Văn K, Phí Văn S và Nguyễn Đức B ngồi ăn uống tại phòng trọ của K, thấy Sơn H chưa về nên S gọi điện thoại thì Sơn H bảo đang có việc ở hồ Quý Dương. S nghe trong điện thoại có tiếng âm ĩ nên S cùng K, Đức B đi bộ ra bờ hồ Quý Dương thì thấy T và C đang đấm, đá nhau bằng chân tay. T lấy từ trong túi quần ra 01 gậy rút bằng kim loại vụt vào người C thì Sơn H, Đức B, K, S vào giằng gậy rút; Sơn H giằng được gậy vụt xuống hồ. T lấy bàn nhựa tại quán đập vào người Sơn H, một số người lấy cốc thủy tinh tại quán ném vào nhóm của C (không xác định ai ném). Sơn H đi ra xe mô tô lấy con dao, thấy vậy Ngọc A và H vào can ngăn thì dao trúng vào tay H. C cầm dao của Sơn H đuổi đánh T thì T chạy vào trong thôn Quý Dương, C không đuổi kịp nên quay lại đưa dao cho Sơn H rồi chạy ra chỗ Hữu L (đang đứng bên ngoài xem) bảo “*chờ anh về phòng trọ của H lấy đồ*”; Hữu L hiểu là lấy hung khí ra đánh nhau tiếp nên đã chở C về phòng trọ của Sơn H (cách bờ hồ khoảng 50m). C vào trong phòng lấy 01 thanh kiếm dài 85cm và 01 gậy tuýp sắt dài 80cm cầm trên tay bảo Hữu L chờ quay lại hồ Quý Dương. Lúc này, Sơn H, K, S, Đức B dùng chân, tay, ghế đánh vào người và mặt Ngọc A làm Ngọc A bị ngã xuống rìa bờ hồ. Sau đó K cùng một số người dân kéo Ngọc A lên.

Trước khi bị đánh ngã xuống hồ, Ngọc A gọi điện thoại cho N bảo đến đưa H đi khâu vết thương ở tay. N đang uống bia cùng Vũ Đ, H, C thấy Ngọc A gọi nên không uống nữa mà cả nhóm cùng đi xe mô tô xuống hồ Quý Dương. Khi đến nơi Vũ Đ gọi “*anh Cờ ơi*”, biết nhóm của T đến nên C cầm kiếm, Sơn H cầm dao đi về phía trước thì Vũ Đ, H, N mỗi người cầm khoảng 3-4 cốc thủy tinh trên bàn uống nước ném về phía nhóm của C. C cầm kiếm khua về phía trước tránh cốc thủy tinh nhưng không trúng ai. K, S cầm ghế nhựa đuổi đánh nhóm của N. Sơn H cầm dao khua về phía trước tránh cốc thủy tinh thì dao trúng vào đầu Vũ Đ. Lúc này, Vũ Đ nhận ra Sơn H là bạn đã nói “*em đây mà*” thì Sơn H cầm thanh kiếm dài 70cm bỏ chạy về phía Quốc lộ 5 rồi quay về phòng trọ của K đưa cho Đức B rồi cả hai quay lại hồ Quý Dương để tiếp tục

đánh nhau nhưng ra đến nơi thấy tất cả đã bỏ về nên cả hai quay về phòng trọ. C đưa cho S cầm tuýp sắt về phòng trọ của K và bảo Hữu L chở C cầm thanh kiếm đến phòng trọ của D ở thôn Quý Dương cất giấu. Do D không có ở phòng nên C cất giấu bên ngoài phòng trọ.

Ngọc A và Vũ Đ được cấp cứu và điều trị tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Hải Dương nhiều ngày, sau đó làm đơn trình báo.

Vật chứng thu được: một số mảnh vỡ của cốc thủy tinh đựng trong túi nilon do chị L chủ quán giao nộp; 01 gậy tuýp bằng Inox màu trắng bạc, dài 80cm, đường kính 2,1cm, một đầu vát nhọn; 01 thanh kiếm dài 85cm, chuôi kiếm bằng gỗ dài 23cm, lưỡi kiếm bằng kim loại dài 62cm; 01 ốp kiếm được làm bằng gỗ màu đen do Tuyển giao nộp; 01 con dao nhọn dài 40cm, phần chuôi bằng gỗ dài 10cm, lưỡi dao bằng kim loại dài 30cm, mũi nhọn do Khương giao nộp; 01 thanh kiếm Inox dài 70cm, chuôi Inox dài 25cm do Sơn Hùng giao nộp.

UBND xã Tân Trường, cơ sở thôn Quý Dương và những người dân xung quanh khu vực hồ Quý Dương đều có đơn và ý kiến xác định vụ việc trên đã gây mất trật tự khu dân cư; ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự tại địa phương, gây tâm lý hoang mang, lo sợ cho mọi người dân. Đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

Kết luận giám định số 179/TgT ngày 20-6-2022, Trung tâm pháp y Sở y tế Hải Dương kết luận: Vũ Văn Đ có 03 vết thương vùng đầu kích thước 3x1cm, 6x1cm, 7x1cm (có vết gãy vỡ xương đỉnh trái), được khâu các vết thương, điều trị nội khoa; tình trạng khi ra viện ổn định, các vết thương khô. Các tổn thương trên có đặc điểm do vật sắc gây nên, anh Đ bị người khác dùng dao chém gây ra là phù hợp; tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là 10% .

Kết luận giám định số 180/TgT ngày 20-6-2022, Trung tâm pháp y Sở y tế Hải Dương kết luận: Trần Ngọc A bị chấn thương hàm mặt gây gãy xương chính mũi, đã xử lý. Chấn thương phần mềm gây sưng nề, bầm tím, xây xước da vùng thái dương trái, trán phải, môi trên, khuỷu tay hai bên, cẳng chân phải, đã điều trị nội khoa; tình trạng khi ra viện ổn định. Căn cứ thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28-8-2019 của Bộ y tế quy định tỷ lệ tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần thì không có mục xác định tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây ra (không phần trăm). Các tổn thương trên có đặc điểm do vật tày gây nên, anh Ngọc A bị người khác dùng chân, tay, ghế nhựa đánh gây ra là phù hợp; tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là 07%.

Kết luận định giá tài sản số 35/KL- HĐĐG- TTHS ngày 20-7-2022, Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự UBND huyện Cẩm Giàng, kết luận: 06 chiếc cốc thủy tinh trong suốt có quai xách tay, trị giá 60.000đ; 02 chiếc bàn nhựa màu nâu, nhãn hiệu Songlong, trị giá 80.000đ; 02 chiếc ghế nhựa màu đỏ, nhãn hiệu Songlong, trị giá 100.000đ. Tổng giá trị tài sản của chị L thiệt hại là 240.000đ.

Tài sản của chị Đỗ Thị T thiệt hại: 14 chiếc cốc thủy tinh trong suốt có quai xách tay, trị giá 140.000đ.

Chị L và chị T đã nhận tiền bồi thường tài sản hư hỏng, không yêu cầu các bị cáo bồi thường thêm khoản nào khác.

Anh Vũ Văn Đ và anh Trần Ngọc A có đơn xác nhận đã nhận đủ tiền bồi thường theo thỏa thuận và xin rút Đơn yêu cầu xử lý đối với những người đã gây thương tích cho các anh.

Cáo trạng số 84/VKS-HS ngày 29-11-2022, Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương truy tố Lê Văn T, Tăng Văn C, Lê Sơn H, Phí Văn S, Vũ Văn K, Nguyễn Đức B, Vũ Văn Đ, Vũ Văn P, Nguyễn Việt N và Đào Hữu L về tội *Gây rối trật tự công cộng* quy định tại điểm b khoản 2 Điều 318 Bộ luật hình sự.

Ngày 27-12-2022, các bị cáo P, Văn Đ và N giao nộp danh sách ủng hộ quỹ Hội chữ thập đỏ xã Tân Trường, mỗi bị cáo 500.000đ và Đơn xác nhận về bồi thường giá trị tài sản thiệt hại cho chị T.

Ngày 28-12-2022, các bị cáo Đức B, Sơn H, K, S giao nộp Đơn xác nhận về bồi thường giá trị tài sản thiệt hại cho chị L.

Ngày 29-12-2022, bị cáo Hữu L giao nộp Phiếu thu tiền 700.000đ ủng hộ quà Tết cho người nghèo đón xuân 2023;

Tại phiên tòa:

Trong phần tranh tụng, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Giàng giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo và đề nghị HĐXX:

Về trách nhiệm hình sự: Tuyên các bị cáo Lê Văn T, Tăng Văn C, Lê Sơn H, Phí Văn S, Vũ Văn K, Nguyễn Đức B, Vũ Văn Đ, Vũ Văn P, Nguyễn Việt N, Đào Hữu L, phạm tội *Gây rối trật tự công cộng*.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s, b khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự; đề nghị xử phạt bị cáo Lê Văn T từ 28 tháng đến 30 tháng tù, thời hạn tính từ ngày 01-8-2022.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s, b khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm o khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự; đề nghị xử phạt bị cáo Tăng Văn C từ 29 đến 31 tháng tù, thời hạn tính từ ngày 01-8-2022.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s, b khoản 1 Điều 51, Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự; đề nghị xử phạt bị cáo Lê Sơn H từ 27 tháng đến 29 tháng tù, thời hạn tính từ ngày bắt thi hành án.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s, b khoản 1 Điều 51, Điều 17; Điều 58; khoản 1, 2 Điều 65 Bộ luật hình sự, đối với bị cáo Phí Văn S, Vũ Văn K, Nguyễn Đức B. Đề nghị xử phạt bị cáo S, K, Đức B, mỗi bị cáo từ 26 tháng đến 28 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 52 đến 56 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s, b, i khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 17; Điều 58; khoản 1, 2 Điều 65 Bộ luật hình sự, đối với bị cáo Vũ Văn Đ, Vũ Văn P, Nguyễn Việt N. Đề nghị xử phạt bị cáo Văn Đ, P, N, mỗi bị cáo từ 24 tháng đến 26 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 48 đến 52 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s, i khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 17; Điều 58; khoản 1, 2 Điều 65; Điều 91 Bộ luật hình sự. Đề nghị xử phạt bị cáo Đào Hữu L từ 16 tháng đến 18 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 32 đến 36 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo S cho UBND xã C, huyện T, thành phố H; bị cáo Đức B cho UBND thị xã K, huyện K, tỉnh H; bị cáo K, Đào Hữu L cho UBND xã Đ, huyện C, tỉnh H; bị cáo Vũ Văn Đ, N, P cho UBND xã T, huyện C, tỉnh H; nơi các bị cáo cư trú để quản lý, giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Về vật chứng: áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; tịch thu tiêu hủy 01 gậy tuýp bằng Inox, màu trắng bạc, dài 80cm, đường kính 2,1cm, một đầu vát nhọn; 01 thanh kiếm dài 85cm, chuôi kiếm bằng gỗ dài 23cm, lưỡi kiếm bằng kim loại, dài 62cm; 01 ốp kiếm được làm bằng gỗ màu đen; 01 con dao nhọn dài 40cm, phần chuôi bằng gỗ dài 10cm, lưỡi dao bằng kim loại dài 30cm, mũi nhọn; 01 thanh kiếm Inox dài 70cm, chuôi Inox dài 25cm; 01 túi nilon đựng các mảnh vỡ của cốc thủy tinh;

Án phí: áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí số 97 ngày 25-11-2015; Nghị quyết số 326 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; buộc các bị cáo Lê Văn T, C, Sơn H, S, K, Đức P, Văn Đ, P, N, Hữu L, mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí sơ thẩm hình sự.

Người bào chữa cho bị cáo Hữu L trình bày: Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Giàng truy tố bị cáo Hữu L là có căn cứ. Bị cáo còn trẻ tuổi bột bột trong suy nghĩ, nể nang bạn bè, bị rủ rê. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo; phạm tội lần đầu với vai trò đồng phạm giúp sức chỉ

chở C đi lại và không trực tiếp tham gia đánh nhau; bị cáo tích cực ủng hộ quỹ chữ thập đỏ và tết cho người nghèo; bị cáo phạm tội khi chưa đủ 18 tuổi; đề nghị HĐXX xem xét cho bị cáo mức hình phạt nhẹ nhất và được cải tạo tại địa phương; còn các vấn đề khác nhất trí như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát.

Các bị cáo thừa nhận tội ngày 22-4-2022 đã có hành vi tụ tập nhiều người, sử dụng dao, kiếm, cốc thủy tinh, bàn ghế đuổi đánh nhau tại bờ hồ Quý Dương và nhất trí với nội dung bản cáo trạng; không có ý kiến tranh luận với quan điểm và đề nghị của Đại diện viện kiểm sát;

Lời nói sau cùng các bị cáo đều xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Cẩm Giàng, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Giàng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo và lời khai những người làm chứng tại Cơ quan điều tra; phù hợp với Kết luận định giá tài sản số 35/KL- HĐĐG- TTHS ngày 20-7-2022 và các Kết luận giám định pháp y; vật chứng thu được và các tài liệu khác trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở kết luận: Do trước đó Tăng Văn C có mâu thuẫn với chị Nguyễn Thị Đ (là bạn gái của Lê Văn T) nên C và T hẹn gặp nhau để giải quyết mâu thuẫn. Khoảng 20 giờ ngày 22-4-2022, tại bờ hồ Quý Dương, thôn Quý Dương, xã Tân Trường, huyện Cẩm Giàng, nhóm của Lê Văn T đã xảy ra xô xát, cãi đánh nhau với nhóm của Tăng Văn C. Lê Văn T, Tăng Văn C, Lê Sơn H, Nguyễn Đức B, Phí Văn S, Vũ Văn K, Đào Hữu L, Vũ Văn Đ, Vũ Văn P, Nguyễn Việt N dùng gậy rút, dao, kiếm, bàn ghế, cốc thủy tinh đuổi đánh nhau quanh bờ hồ, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn; làm hư hỏng tài sản của chị Nguyễn Thị L và chị Đỗ Thị T, tổng thiệt hại 380.000đ.

Hành vi của các bị cáo xâm phạm đến sự an toàn công cộng, đến quy tắc, sinh hoạt và trạng thái bình yên nơi công cộng; gây bức xúc trong nhân dân và Chính quyền địa phương xã Tân Trường. Các bị cáo đều là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự nhận thức rõ việc dùng gậy rút, dao, kiếm, bàn ghế, cốc thủy tinh đuổi đánh nhau ở nơi công cộng, khu bờ hồ là nơi đông người tụ tập,

những người qua lại có thể gây nguy hiểm đến sức khỏe, tính mạng cho người khác; gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội nhưng các bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Giàng truy tố các bị cáo Lê Văn T, Tăng Văn C, Lê Sơn H, Phí Văn S, Vũ Văn K, Nguyễn Đức B, Vũ Văn Đ, Vũ Văn P, Nguyễn Việt N, Đào Hữu L, phạm tội “*Gây rối trật tự công cộng*” quy định tại điểm b khoản 2 Điều 318 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo không chỉ làm thiệt hại đến tài sản của chị T, chị L mà còn gây thiệt hại đến sức khỏe của anh Ngọc A và bị cáo Đ. Mặc dù hành vi gây thương tích không bị xử lý trong vụ án này nhưng hành vi này đã làm ảnh hưởng xấu đến trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn huyện Cẩm Giàng. Xuất phát từ mâu thuẫn cá nhân giữa C và bạn gái T nhưng C và T không tìm cách giải quyết nhẹ nhàng giữa hai người mà đã kéo theo nhiều anh em bạn bè đến gây ồn ào, mất trật tự tại khu dân cư. Hành vi của các bị cáo thể hiện sự coi thường pháp luật, vì vậy cần áp dụng hình phạt tương xứng để giáo dục riêng các bị cáo và phòng ngừa chung.

[4] Đây là vụ án đồng phạm giản đơn nên cần đánh giá vai trò của từng bị cáo như sau: Lê Văn T và C là người rủ rê, khởi xướng và trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội nên giữ vai trò thứ nhất; bị cáo Sơn H thực hiện hành vi tích cực nhất, tham gia từ đầu giữ vai trò thứ hai. Các bị cáo S, K, Đức B, Văn Đ, P, N, Hữu L đều tham gia thực hiện hành vi phạm tội nên giữ vai trò ngang nhau.

[5] *Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:*

Bị cáo T, C, Sơn H và S đều đã bị xử phạt hành chính hoặc bị xét xử nên xác định là người có nhân thân xấu. Các bị cáo K, Hùng, P, N, Văn Đ, Hữu L chưa có tiền án tiền sự, là những người có nhân thân tốt.

Bị cáo C bảo bị cáo Hữu L chở đến bờ hồ để giải quyết mâu thuẫn; bảo bị cáo Hữu L chở về phòng trọ lấy hung khí, trong khi bị cáo L chưa đủ 18 tuổi. Do vậy, bị cáo C phải chịu tình tiết tăng nặng “xúi giục người chưa thành niên phạm tội” theo điểm o khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Các bị cáo còn lại không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đều thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội nên cả 10 bị cáo đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Các bị cáo T, C, Văn Đ, P, N; Đức B, Sơn H, K, S đã tự nguyện bồi thường toàn bộ thiệt hại tài sản cho chị L và chị T nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Các bị cáo Văn Đ, P, N, Hữu L lần đầu phạm tội và tham gia với thời gian ngắn, HĐXX áp dụng cho các bị cáo được hưởng tình tiết

giảm nhẹ phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 BLHS. Các bị cáo P, Văn Đ, N và Hữu L tích cực ủng hộ quỹ chữ thập đỏ và ủng hộ quà tết cho người nghèo năm 2003; các bị cáo T, C ủng hộ Covid; HĐXX áp dụng cho các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.

Khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo Hữu L chưa đủ 18 tuổi, HĐXX áp dụng các nguyên tắc xử lý đối với người chưa thành niên phạm tội quy định tại Điều 91; khoản 1 Điều 101 Bộ luật hình sự để xem xét hình phạt phù hợp cho bị cáo.

Các bị cáo T, C và Sơn H là những người khởi xướng rủ rê, xúi giục người khác phạm tội, có vai trò tích cực trong vụ án, HĐXX thấy cần thiết phải cách ly các bị cáo khỏi xã hội một thời gian để các bị cáo có điều kiện cải tạo trở thành công dân tốt cho xã hội.

Căn cứ vào tính chất mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội; các bị cáo Đức B, S, K, N, P, Văn Đ, Hữu L có nhiều tình tiết giảm nhẹ, nhân thân tốt và có nơi cư trú rõ ràng nên không cần thiết phải cách ly các bị cáo khỏi xã hội mà cho các bị cáo được cải tạo tại địa phương cũng đủ tác dụng giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[6] *Về trách nhiệm dân sự*: đã xong, HĐXX không phải giải quyết.

[7] *Về vật chứng*: 01 số mảnh vỡ của cốc thủy tinh; 01 gậy tuýp bằng Inox màu trắng bạc, dài 80cm, đường kính 2,1cm, một đầu vát nhọn; 01 thanh kiếm dài 85cm, chuôi kiếm bằng gỗ dài 23cm, lưỡi kiếm bằng kim loại, dài 62cm; 01 ốp kiếm được làm bằng gỗ màu đen; 01 con dao nhọn dài 40cm, phần chuôi bằng gỗ dài 10cm, lưỡi dao bằng kim loại dài 30cm, mũi nhọn; 01 thanh kiếm Inox dài 70cm, chuôi Inox dài 25cm là công cụ các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội; HĐXX tịch thu tiêu hủy theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Đối với điện thoại di động của T, C, Đức B sử dụng vào việc phạm tội, các bị cáo đã làm rơi mất. Đối với chiếc gậy rút bằng kim loại của T thì Đức B đã vứt xuống hồ Quý Dương. Đối với bàn ghế, cốc thủy tinh bị vỡ, chị L và chị T đã quét dọn vứt đi không quản lý được, HĐXX không phải giải quyết.

[8] *Về các vấn đề khác*:

Ông Đào Hữu T, anh Lê Văn S, anh Vũ Mạnh T cho bị cáo Hữu L, T, Sơn H mượn xe mô tô nhưng không biết các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội nên không có căn cứ xử lý. Cơ quan CSĐT Công an huyện Cẩm Giàng cũng không quản lý xe nên không phải giải quyết.

Anh Trần Ngọc A, Hoàng Bá H có mặt khi xảy ra xô xát, mục đích để can ngăn hai nhóm, không có hành vi gây rối trật tự công cộng nên không có căn cứ xử lý.

Anh Lê Cao T, Phạm Văn T, Lê Văn T, sinh năm 2000, Vũ Thành L, Phạm Văn C, Phạm Minh T, Phạm Văn S, Bùi Văn D, Vũ Ngọc T, Phan Minh T, Nguyễn Đức C được rủ xuống khu hồ Quý Dương để uống nước, không biết việc T đi giải quyết mâu thuẫn, không tham gia đánh nhau nên không có căn cứ xử lý trong vụ án này.

Các bị cáo Sơn H, Đức B, S, K gây thương tích cho bị cáo Văn Đ và anh Ngọc A nhưng các bên đã bồi thường dân sự xong, bị cáo Văn Đ và anh Ngọc A có Đơn xin rút đơn yêu cầu khởi tố nên Cơ quan CSĐT gửi tờ trình đề nghị Chủ tịch UBND huyện Cẩm Giàng ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

[9]*Về án phí*: các bị cáo bị kết án phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Lê Văn T, bị cáo Tăng Văn C, bị cáo Lê Sơn H, bị cáo Phí Văn S, bị cáo Vũ Văn K, bị cáo Nguyễn Đức B, bị cáo Vũ Văn Đ, bị cáo Vũ Văn P, bị cáo Nguyễn Việt N, bị cáo Đào Hữu L phạm tội Gây rối trật tự công cộng.

- **Căn cứ** điểm b khoản 2 Điều 318; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Lê Văn T 29 (*hai mươi chín*) tháng tù, thời hạn tính từ ngày bắt tạm giam 01-8-2022.

- **Căn cứ** điểm b khoản 2 Điều 318; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm o khoản 1 Điều 52; Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Tăng Văn C 30 (*ba mươi*) tháng tù, thời hạn tính từ ngày bắt tạm giam 01-8-2022.

- **Căn cứ** điểm b khoản 2 Điều 318; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Lê Sơn H 27 (*hai mươi bảy*) tháng tù, thời hạn tính từ ngày bắt thi hành án.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 58; khoản 1 và khoản 2 Điều 65 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Phí Văn S 26 (*hai mươi sáu*) tháng tù cho hưởng án treo; thời gian thử thách 52 (*năm mươi hai*) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Phí Văn S cho UBND xã C, huyện T, thành phố H giám sát giáo dục trong thời gian thử thách của án treo.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 58; khoản 1 và khoản 2 Điều 65 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Vũ Văn K 25 (*hai mươi lăm*) tháng tù cho hưởng án treo; thời gian thử thách 50 (*năm mươi*) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Vũ Văn K cho UBND xã Đ, huyện C, tỉnh H giám sát giáo dục trong thời gian thử thách của án treo.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 58; khoản 1 và khoản 2 Điều 65 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức B 25 (*hai mươi lăm*) tháng tù cho hưởng án treo; thời gian thử thách 50 (*năm mươi*) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Nguyễn Đức B cho UBND xã L, thị xã K, tỉnh H giám sát giáo dục trong thời gian thử thách của án treo.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318; điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58; khoản 1 và khoản 2 Điều 65 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Vũ Văn Đ 24 (*hai mươi tư*) tháng tù cho hưởng án treo; thời gian thử thách 48 (*bốn mươi tám*) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Vũ Văn Đ cho UBND xã T, huyện C, tỉnh H giám sát giáo dục trong thời gian thử thách của án treo.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318; điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58; khoản 1 và khoản 2 Điều 65 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Vũ Văn P 24 (*hai mươi tư*) tháng tù cho hưởng án treo; thời gian thử thách 48 (*bốn mươi tám*) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Vũ Văn P cho UBND xã T, huyện C, tỉnh H giám sát giáo dục trong thời gian thử thách của án treo.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318; điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58; khoản 1 và khoản 2 Điều 65 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Việt N 24 (*hai mươi tư*) tháng tù cho hưởng án treo; thời gian thử thách 48 (*bốn mươi tám*) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Nguyễn Việt N cho UBND xã T, huyện C, tỉnh H giám sát giáo dục trong thời gian thử thách của án treo.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58; khoản 1 và khoản 2 Điều 65; Điều 90, Điều 91, Điều 98, khoản 1 Điều 101 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Đào Hữu L 16 (*mười sáu*) tháng tù cho hưởng án treo; thời gian thử thách 32 (*ba mươi hai*) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị

cáo Đào Hữu L cho UBND xã Đ, huyện C, tỉnh H giám sát giáo dục trong thời gian thử thách của án treo.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án Hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Về xử lý vật chứng: căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự;

Tịch thu tiêu hủy 01 số mảnh vỡ cốc thủy tinh đựng trong túi nilon; 01 gậy tuýp bằng Inox, màu trắng bạc, dài 80cm, đường kính 2,1cm, một đầu vát nhọn; 01 thanh kiếm dài 85cm, chuôi kiếm bằng gỗ dài 23cm, lưỡi kiếm bằng kim loại, dài 62cm; 01 ốp kiếm được làm bằng gỗ màu đen; 01 con dao nhọn dài 40cm, phần chuôi bằng gỗ dài 10cm, lưỡi dao bằng kim loại dài 30cm, mũi nhọn; 01 thanh kiếm Inox dài 70cm, chuôi Inox dài 25cm (*Đặc điểm các vật chứng trên theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 16-12-2022*).

Án phí: căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016; các bị cáo Lê Văn T, C, Sơn H, S, K, Đức B, Văn Đ, P, N, Hữu L, mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí sơ thẩm hình sự.

Quyền kháng cáo: căn cứ Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người đại diện hợp pháp và người bào chữa cho bị cáo Đào Hữu L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp bản án hoặc quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- VKSND huyện Cẩm Giàng;
- CQCSĐT Công an H Cẩm Giàng;
- CQTHAHS-Công an huyện;
- Sở tư pháp tỉnh Hải Dương.
- Chi cục THADS H.Cẩm Giàng.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

- Trại tạm giam Công an tỉnh Hải Dương.
- Bị cáo và Người đại diện
- Người bào chữa.
- Lưu hồ sơ, lưu VP